TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/HS-ST

Ngày: 20 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Diễm Huyền và ông Nguyễn Văn Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến (một điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và một điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông M1 và bà M2; Có vợ là bà M3 (sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, hiện nay không còn sống chung) và 01 người con sinh năm 2018; Tiền án: Vào ngày 13/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng kết án 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", vào ngày 05/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau kết án 01 năm tù về tội "Trốn khỏi nơi giam", vào ngày 28/6/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết án 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 28/5/2023, chưa được xóa án tích); Tiền sự, nhân thân: Vào ngày 06/3/2012 bị Công an xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" với số tiền 1.500.000 đồng, vào ngày 27/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" với thời hạn 18 tháng; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2024 cho đến nay. *(có mặt)*

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N1 và bà N2; Tiền án: Vào ngày 21/02/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết án 05 năm tù về tội "Cướp tài sản", vào ngày 13/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng kết án 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", vào ngày 18/3/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết án 11 năm tù về các tội "Hiếp dâm" và "Trộm cắp tài sản" (đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 29/7/2023, chưa được xóa án tích); Tiền sự, nhân thân: Vào ngày 24/3/2014 bị Trưởng Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác" với số tiền 2.500.000 đồng; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2024 cho đến ngày 15/6/2024 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam trong vụ án khác cho đến nay. *(có mặt)*

3. Họ và tên: **Trần Bé P**; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P1 và bà P2; Tiền án: Không; Tiền sự, nhân thân: Vào ngày 10/9/2009 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 12 tháng; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2024 cho đến nay. *(có mặt)*

Bị hại: Ông Nguyễn BH; Nơi cư trú: Ấp A1, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

Người làm chứng: Bà Nguyễn LC; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn N và Trần Bé P là bạn bè quen biết nhau và không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền để tiêu xài, M rủ N và P đi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 05/01/2024, M đi cắm câu, khi đi ngang vườn của ông X thuộc ấp A2, xã B, huyện Kế Sách thì M phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô biển số 83K1-0693 của ông Nguyễn BH đậu trong vườn không có ai trông giữ nên M nảy sinh ý định lấy trộm xe. Sau đó, M đi bộ về nhà, khi đi ngang nhà của N thì M thấy N và P đang uống rượu, P kêu M vào uống rượu chung, M vào uống rượu cùng với N và P, đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì M nói với N và P "*lúc đi cắm câu thấy có chiếc xe ngon lắm, đậu cặp lộ không có chìa khóa và không có ai trông coi*", M rủ N và P đi lấy trộm xe để bán lấy tiền tiêu xài thì N và P đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, M, N và P đi bộ đến vườn của ông X, lúc này M quan sát thấy chiếc xe của ông BH vẫn còn đậu trong vườn của ông X không

có ai trông giữ. M đi đến cửa rào dùng tay kéo cửa rào ra một bên và đi vào lấy trộm xe dẫn ra ngoài lộ đal, còn N và P đứng ở ngoài cảnh giới. Sau khi M dẫn xe ra ngoài lộ thì M cùng với N và P dẫn xe đi về hướng Nhà thờ B một đoạn khoảng 500 mét, M khởi động máy và điều khiển xe chở N và P chạy đến Chợ Ngã Bảy thuộc thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang để bán xe nhưng không được. Sau đó, M điều khiển xe chở N và P về nhà của M. Khi đến nhà, M kêu N và P đem xe đi giấu còn M đi vào nhà ngủ, lúc này P điều khiển xe chở N đến vườn của ông Y gần nhà của M để giấu xe.

Đến sáng ngày 06/01/2024, ông BH phát hiện xe bị mất trộm nên đến trình báo và Công an xã B, huyện Kế Sách tiến hành tìm kiếm, phát hiện xe của ông BH được cất giấu trong vườn của ông Y. Nghi vấn M, N và P là người đã lấy trộm xe nên Công an xã B, huyện Kế Sách đã mời M, N và P làm việc thì M, N và P thừa nhận hành vi lấy trộm xe.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển số 83K1-0693, số máy 2FMH7011215, số khung ORH7A011215 đã qua sử dụng, xe đăng ký lần đầu ngày 16/01/2008, giá trị còn lại là 15.000.000 đồng x 20% = 3.000.000 đồng. Như vậy, trị giá tài sản trộm cắp là 3.000.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N và P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; đối với M về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do trước đó vào ngày 28/6/2021 M đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết án 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích nhưng M lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này; đồng thời, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với M và P từ ngày 06/3/2024 cho đến nay, riêng N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2024 cho đến ngày 15/6/2024 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam trong vụ án khác cho đến nay.

Về thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ, tạm giữ và đã ra quyết định trao trả lại cho ông BH 01 chiếc xe mô tô, đặc điểm màu đỏ, không có gắn biển số, tình trạng đã qua sử dụng, bị thiếu nhiều bộ phận trên xe, số khung ORH7A011215, số máy 2FMH7011215 (Quyết định xử lý vật chứng số 353/QĐ-ĐCSHS ngày 25/4/2024). Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Ông BH đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu M, N và P bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số **37**/CT-VKS-KS, ngày 17/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách nhận định hành vi phạm tội nêu trên của M, N và P, từ đó quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để xét xử M về tội "Trộm cắp

tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và xét xử N và P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách giữ quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo M, N và P, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo M, phạm tội "Trộm cắp tài sản"; căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo M mức án từ **02 năm đến 02 năm 06 tháng tù**. Tuyên bố bị cáo N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N mức án từ **01 năm đến 01 năm 06 tháng tù**. Tuyên bố bị cáo P phạm tội "Trộm cắp tài sản"; căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo P mức án từ **06 tháng đến 01 năm tù**.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không có.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo M, N và P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại ông Nguyễn BH và người làm chứng bà Nguyễn LC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt; những người này đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ và sự vắng mặt cũng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án; đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách và các bị cáo cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo M, N và P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với nội dung Bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Kế Sách cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, từ đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Vào ngày 28/6/2021, bị cáo M đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng kết án 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích. Đến ngày 05/01/2024, tại ấp A2, xã B, huyện Kế Sách, các bị cáo đã trộm cắp của bị hại ông BH 01 chiếc xe mô tô biển số 83K1-0693 trị giá 3.000.000 đồng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo M phạm tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo N và P phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định Bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-KS, ngày 17/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố bị cáo M về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo N và P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo, không bỏ lọt tội phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận Bản Cáo trạng.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải thông qua lao động chính đáng mà các bị cáo đã cố ý trộm cắp tài sản của người khác, cho nên cần xử phạt các bị cáo tương xứng với mức độ, hành vi của các bị cáo gây ra để đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đã có sự thống nhất ý chí phạm tội từ trước và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nên phải cùng chịu chung trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội. Để cá thể hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, cần xét đến vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[7] Bị cáo M là người khởi xướng, thực hành tích cực và giữ vai trò chính; bị cáo M đã khởi xướng việc đi lấy trộm tài sản, trực tiếp vào lấy trộm tài sản và tham gia đem tài sản từ địa điểm phạm tội về nhà của bị cáo M; mức độ tham gia vào hành vi phạm tội của bị cáo M là cao nhất. Do đó, đối với bị cáo M cần phải có mức án thật nghiêm khắc và nặng hơn các bị cáo N và P để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo M và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Các bị cáo N và P là người thực hành tích cực; các bị cáo N và P đã đứng bên ngoài cảnh giới khi bị cáo M vào lấy trộm tài sản và tham gia đem tài sản từ địa điểm phạm tội về nhà của bị cáo M rồi sau đó đem tài sản đến địa điểm cất giấu; mức độ tham gia vào hành vi phạm tội của các bị cáo N và P là tương đương nhau và thấp hơn bị cáo M, nhưng bị cáo N có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân xấu hơn bị cáo P. Vì vậy, đối với bị cáo N cần phải có mức án thật nghiêm khắc, nhưng nhẹ hơn bị cáo M và nặng hơn bị cáo P để có thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo N và P và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với các bị cáo M và N, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được xem là chưa gây thiệt hại; bị cáo M có trình độ học vấn thấp (Lớp 03/12), có ông nội tên M4 là Liệt sĩ và hiện có 01 con nhỏ sinh năm 2018; bị cáo N có trình độ học vấn thấp (Không biết chữ); đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo M và N. Đối với bị cáo P, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được xem là chưa gây thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có trình độ học vấn thấp (Lớp 05/12); đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo M và P không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo N có tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[11] Về nhân thân và các tình tiết khác: Các bị cáo M, N và P đều có nhân thân xấu. Trước khi phạm tội, bị cáo M từng có 03 tiền án về các tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam" cùng 02 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo N từng có 03 tiền án về các tội "Cướp tài sản", "Trộm cắp tài sản" và "Hiếp dâm" cùng 01 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác"; bị cáo P từng có 01 tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, các bị cáo không biết ăn năn, sửa chữa sai lầm, làm một công dân tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này. Riêng bị cáo N sau thời điểm phạm tội vào ngày 05/01/2024 còn đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách khởi tố, điều tra về hành vi "Đánh bạc" xảy ra vào ngày 05/4/2024. Các sự việc này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, khả năng tự cải tạo bản thân của các bị cáo, nên cần được căn nhắc khi quyết định hình phạt.

[12] Về hình phạt: Đối với bị cáo M, mức hình phạt của tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Đối với các bị cáo N và P, mức hình phạt của tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Trên cơ sở căn nhắc về tính chất và

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng, chống tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu trong tình hình hiện nay, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn tại cơ sở giam giữ, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[13] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[14] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì; bị hại ông BH đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và cũng không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[15] Về án phí: Bị cáo M thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo N và P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận như các nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M, phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N, phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Bé P.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Bé P, phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt: Bị cáo Trần Bé P **06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Hiện nay, Cơ quan điều tra không còn tạm giữ vật chứng gì; bị hại ông Nguyễn BH đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và cũng không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự trong vụ án, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Văn M được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Bé P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn N và Trần Bé P có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại ông Nguyễn BH vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Bị cáo, Bị hại…;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Việt